

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 4 năm 2023

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 04/2023 tăng 0,66% so với tháng trước và tăng 10,86% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,18%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 18,62%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,52%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 12,26% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,21% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng cùng kỳ năm 2022 (+7,22%). Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ số sản xuất tăng không cao (+5,59%) nguyên nhân do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, nhất là các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng xuất khẩu; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 31,46%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,31%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 8,75% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 4 năm 2023 tăng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 185,84%; xi măng tăng 39,02%; điện sản xuất tăng 24,84%; phân hoá học (NPK) tăng 27,06%; tinh bột sắn tăng 25,14%; bộ com-lê, quần áo tăng 14,13%; gạch xây tăng 10,70% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 4 tháng đầu năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Bia lon tăng 124,83%; điện sản xuất tăng 41,38%; xi măng tăng 13,37%; bộ com-lê, quần áo tăng 12,02% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng 4/2023 ước đạt 2.763,2 tỷ đồng, tăng 6,45% so với tháng trước và tăng 20,5% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Trong 4 tháng đầu năm 2023, đặc biệt vào giữa và cuối tháng 4, trên địa bàn tỉnh diễn ra nhiều sự kiện và kỷ niệm các ngày lễ lớn nên đã thu hút khá đông khách đến tham quan, mua sắm và nghỉ dưỡng, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 10.179,9 tỷ đồng, tăng 18,81% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.184,2 tỷ đồng, tăng 17,76% và doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1.466,15 tỷ đồng, tăng 27,05% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Trị trong tháng 4 năm 2023 giảm 0,12% so tháng trước; tăng 3,65% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,9% so với tháng 12 năm trước; tính chung 4 tháng đầu năm 2023, chỉ số CPI tăng 4,75% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr/TU ngày 31/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hoàn chỉnh và lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Cam kết trách nhiệm của Tập thể Lãnh đạo và người đứng đầu Sở Công Thương với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Hoàn chỉnh báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; Tổng hợp báo cáo tình hình và đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại năm 2023; Báo cáo đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 (*Đối với chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp; chỉ số gia nhập thị trường*) và kế hoạch, giải pháp thực hiện năm 2023.

- Thực hiện các hoạt động liên quan đề án đăng ký hỗ trợ kinh phí khuyến công năm 2023; Tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước, trong và sau dịp lễ 30/4 và 01/5/2023.

- Tham mưu UBND tỉnh thỏa thuận hướng tuyến đường dây 22kV cấp điện tự dùng dự phòng thuộc Dự án TBA 500kV Quảng Trị và đường dây đầu nối Quảng Trị - rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng; Hỗ trợ báo cáo viên phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn hành lang lưới điện; Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn để sớm triển khai thực hiện. Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện gió đã được cấp chủ trương đầu tư sau khi có chủ trương chuyển tiếp về giá.

- Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các dự án ODA và kiến nghị bố trí vốn để hoàn thành các hạng mục còn lại thuộc Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020 - EU tài trợ, nghiệm thu, đóng điện phục vụ Nhân dân vùng dự án; Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023, đề xuất kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2024 thuộc Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh đến năm 2030; triển khai Kế hoạch thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với hai tỉnh Savannakhet, Salavan, nước CHDCND Lào giai đoạn 2023-2025. Tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại; Giải quyết vướng mắc trong việc xử lý mặt hàng đường cát nhập lậu; báo cáo cung cấp số liệu phục vụ điều hành xuất khẩu gạo.

- Báo cáo giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 14, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VIII theo yêu cầu UBND tỉnh tại Công văn số 106/UBND-TH ngày 11/01/2023. Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện "Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn 2018-2022.

- Hoàn thành cập nhật, bổ sung thông tin trên Hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; Đề xuất việc giao quyền tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương giai đoạn 2023-2025; Triển khai Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 14/4/2023, Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh; đề xuất nhu cầu chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên địa bàn.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch Duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng đối với người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính của Sở Công Thương năm 2023; cắt giảm quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết TTHC, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. cung cấp mức thu phí, lệ phí và danh mục DVCTT toàn tỉnh liên thông UBND tỉnh

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 5 năm 2023

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Tập trung nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư, tham mưu các giải pháp hỗ trợ theo kế hoạch chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Chuẩn bị nội dung tham mưu UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về tình hình thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành Công Thương năm 2023; Tình hình phát triển các dự án năng lượng trên địa bàn tỉnh. Tham mưu tổ chức sơ kết Chương trình hành động của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tham mưu UBND tỉnh đề xuất Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung Chương trình hành động số 15- CTHĐ/TU ngày 27/4/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55- NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy đối việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr-TU ngày 31/3/2023 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan về công tác giám sát của Thường trực HĐND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 38/2020/NQ-HĐND về chính sách khuyến công và Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND về chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Hoàn thành rà soát, báo cáo tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ tại các khu công nghiệp và trên địa bàn các địa phương theo chỉ đạo UBND tỉnh tại Thông báo kết luận số 51/TB-UBND ngày 16/3/2023. Đề xuất xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024.

- Hoàn thành dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; bãi bỏ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ; Dự thảo Quy chế quản lý kinh phí khuyến công; xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh.

- Tiếp tục phối hợp với BQL dự án các công trình điện miền Trung (chủ đầu tư) và UBND huyện Hải Lăng, các Sở ngành liên quan hỗ trợ đẩy nhanh công tác GPMB dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đấu nối Quảng Trị -Vũng Áng - Đà Nẵng. Báo cáo, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đôi với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) năm 2023. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023; Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án điện gió đã được quy hoạch tiếp tục hoàn thiện thủ tục, triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại năm 2023 thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh năm 2023; Kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng của tỉnh năm 2023; Kế hoạch thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” của ngành Công Thương năm 2023; tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo, kinh doanh thuốc qua các mạng xã hội.

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng năm 2023; Tổ chức nội dung và thời gian tổ chức tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới; tổ chức các hoạt động trước, trong lễ 30/4 và 01/5 và báo cáo tình hình thị trường trước, trong và sau lễ 30/4 và 01/5/2023.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính; Kế hoạch duy trì HTQLCL ISO 9001:2015 của Sở năm 2023 và triển khai thực hiện. Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả năm 2022 và phân công trách nhiệm thực hiện cải thiện mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 của Sở và triển khai thực hiện;

- Tham mưu nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương theo Quyết định công bố của UBND tỉnh.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 4 năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hiếu

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 25 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 4 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1436	1670	5650	2063	6098	116.29%	80.94%	92.65%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	607.43	700	2589	818	2794	115.25%	85.59%	92.64%
3	Đá xây dựng	M3	59836.35	65265	201004	63983	222191	109.07%	102.00%	90.46%
4	Tinh bột sắn	Tấn	9330	3524	37481	2816	34304	37.77%	125.14%	109.26%
5	Bia lon	1000 lít	2191	2368	7109	828	3162	108.06%	285.84%	224.83%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1305	1250	4210	1162	4355	95.79%	107.57%	96.67%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2656.62	2540	11410	2225	10186	95.60%	114.13%	112.02%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	4966	5707	20124	7607	24835	114.91%	75.02%	81.03%
9	Dăm gỗ	Tấn	29829	37161	139251	43737	152158	124.58%	84.96%	91.52%
10	Ván ép	M3	23413	22500	72784	23059	93681	96.10%	97.58%	77.69%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	519	520	2047	121	2004	100.19%	429.75%	102.15%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4056	5000	14686	3935	13951	123.27%	127.06%	105.27%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	293	295	1071	274	1095	100.58%	107.66%	97.85%
14	Săm xe các loại	1000 cái	484	490	1836	693	2452	101.30%	70.71%	74.87%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gồm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	12340	14626	47295	13213	44601	118.53%	110.70%	106.04%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	6687	8803	24593	4113	11500	131.64%	214.06%	213.85%
17	Xi măng	Tấn	28482	33000	85285	23738	75227	115.86%	139.02%	113.37%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	452	190	836	302	974	42.04%	62.91%	85.79%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	260	243	1120	195	793	93.70%	124.84%	141.38%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	58	60	240	60	223	103.45%	100.00%	107.62%
21	Nước máy	1000 m3	1096	1100	4638	1071	4463	100.36%	102.75%	103.91%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2595.70	2763.20	10179.9	2293.18	8568.15	106.45%	120.50%	118.81%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2092.60	2211.70	8184.20	1859.82	6951.67	105.69%	118.92%	117.73%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		503.10	551.50	1995.70	433.35	1616.48	109.62%	127.26%	123.46%
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	372.40	414.20	1466.40	305.49	1154.21	111.22%	135.59%	127.05%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		372.40	413.30	1465.30	304.61	1153.33	110.98%	135.68%	127.05%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.90	1.10	0.88	0.88	-	102.67%	124.86%
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	130.70	137.30	529.30	127.86	462.27	105.55%	107.38%	114.50%

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 4 năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 3/2023		Dự ước tháng 4/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 4/2023 so với tháng 4/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	205.05	111.47	206.41	100.66	110.86	112.21
1. Công nghiệp khai khoáng	104.15	95.53	118.07	113.37	87.74	91.25
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	176.65	105.05	178.33	100.95	110.18	105.91
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	424.94	130.83	416.75	98.07	118.62	131.46
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	107.44	107.57	107.62	100.17	103.52	103.31